Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Đắk Lắk
Ngày ký: 24-05-2024 10:12:34 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Đắk Lắk*

**Số 37** **Ngày 24 tháng 5 năm 2024**

# MỤC LỤC

| | Trích yếu nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **VĂN BẢN KHÁC** | |
| | **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH** | |
| 03-5-2024 | Nghị quyết số 04/NQ-HĐND về điều chỉnh, cập nhật chi tiết danh mục dự án đầu tư và phân bổ phần vốn phân bổ sau từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2026) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. | 2 |
| 03-5-2024 | Nghị quyết số 06/NQ-HĐND Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung Quyết định chủ trương đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh. | 10 |

| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐẮK LẮK | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 04/NQ-HĐND | *Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2024* |

# NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, cập nhật chi tiết danh mục dự án đầu tư và phân bổ phần vốn phân bổ sau từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
## KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI HAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 – 2025) thực hiện các Dự án thành phần số 2, 4, 5, 6, 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương;*

*Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung chỉ tiêu và bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển (phần vốn phân bổ sau) và cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

*Xét Tờ trình số 33 /TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, cập nhật chi tiết danh mục dự án đầu tư và phân bổ phần vốn phân bổ sau từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra số 33/BC-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 3 và Tiểu dự án 2 Dự án 10 tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số: 26/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022; 41/NQ-HĐND ngày 18 tháng 11 năm 2022; 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023. Tổng vốn đầu tư phát triển thực hiện từng Tiểu dự án thành phần không thay đổi sau điều chỉnh.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

**Điều 2.** Cập nhật chi tiết danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021- 2025) thực hiện 02 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đầu tư từ Dự án thành phần số 1 thuộc Chương trình.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

**Điều 3.** Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển (số vốn chưa phân bổ) giai đoạn 05 năm (2021 – 2025) là 29.125 triệu đồng, để thực hiện Dự án Sắp xếp, bố trí, ổn định tái định cư buôn Nrếch, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn (Giai đoạn I), thuộc Dự án 2 của Chương trình.

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp; chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung và số liệu trong các phụ lục đính kèm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc

triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 5.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười hai thông qua ngày 03 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

**Phụ lục I**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN 3, 10 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 đã giao | | | Điều chỉnh | | | | | | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Điều chỉnh giảm (-) | | | Điều chỉnh tăng (+) | | | | | | |
| | | Tổng cộng | Trong đó: | | Tổng cộng | Trong đó: | | Tổng cộng | Trong đó: | | Tổng cộng | Trong đó: | | |
| | | | NSTW | NST | | NSTW | NST | | NSTW | NST | | NSTW | NST | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| | **TỔNG SỐ** | **74,401** | **68,401** | **6,000** | **11,880** | **11,880** | **-** | **11,880** | **11,880** | **-** | **74,401** | **68,401** | **6,000** | |
| **I** | **Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị** | **37,306** | **34,306** | **3,000** | **4,850** | **4,850** | **-** | **4,850** | **4,850** | **-** | **37,306** | **34,306** | **3,000** | |
| | *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi* | *37,306* | *34,306* | *3,000* | *4,850* | *4,850* | *-* | *4,850* | *4,850* | *-* | *37,306* | *34,306* | *3,000* | |
| ***1*** | ***Cấp tỉnh*** | **4,850** | **4,850** | **-** | **4,850** | **4,850** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | |
| 1.1 | Ban Dân tộc | 4,850 | 4,850 | - | 4,850 | 4,850 | - | | | | - | - | - | |
| ***2*** | ***Cấp huyện*** | **32,456** | **29,456** | **3,000** | **-** | **-** | **-** | **4,850** | **4,850** | **-** | **37,306** | **34,306** | **3,000** | |
| 2.1 | Huyện Lắk | 32,456 | 29,456 | 3,000 | | | | 4,850 | 4,850 | - | 37,306 | 34,306 | 3,000 | |

| STT | Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 đã giao | | | Điều chỉnh | | | | | | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Điều chỉnh giảm (-) | | | Điều chỉnh tăng (+) | | | | | | |
| | | Tổng cộng | Trong đó: | | Tổng cộng | Trong đó: | | Tổng cộng | Trong đó: | | Tổng cộng | Trong đó: | | |
| | | | NSTW | NST | | NSTW | NST | | NSTW | NST | | NSTW | NST | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| **II** | **Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổ chức thực hiện Chương trình** | **37,095** | **34,095** | **3,000** | **7,030** | **7,030** | **-** | **7,030** | **7,030** | **-** | **37,095** | **34,095** | **3,000** | |
| | *Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh vùng đồng bào DTTS&MN* | *37,095* | *34,095* | *3,000* | *7,030* | *7,030* | *-* | *7,030* | *7,030* | *-* | *37,095* | *34,095* | *3,000* | |
| **1** | **Cấp tỉnh** | **7,211** | **7,211** | **-** | **7,030** | **7,030** | **-** | **4** | **4** | **-** | **185** | **185** | **-** | |
| 1.1 | Ban Dân tộc | 7,030 | 7,030 | - | 7,030 | 7,030 | - | | | | - | - | - | |
| 1.2 | Liên minh Hợp tác xã tỉnh | 181 | 181 | - | | | | 4 | 4 | | 185 | 185 | - | |
| **2** | **Cấp huyện** | **29,884** | **26,884** | **3,000** | **-** | **-** | **-** | **7,026** | **7,026** | **-** | **36,910** | **33,910** | **3,000** | |
| 2.1 | Thành phố Buôn Ma Thuột | - | - | - | | | | - | | | - | - | - | |
| 2.2 | Thị xã Buôn Hồ | 36 | 36 | - | | | | 9 | 9 | | 45 | 45 | - | |
| 2.3 | Huyện Ea H'leo | 1,181 | 1,181 | - | | | | 278 | 278 | | 1,459 | 1,459 | - | |
| 2.4 | Huyện Ea Súp | 4,327 | 3,327 | 1,000 | | | | 1,017 | 1,017 | | 5,344 | 4,344 | 1,000 | |
| 2.5 | Huyện Buôn Đôn | 3,263 | 3,263 | - | | | | 767 | 767 | | 4,030 | 4,030 | - | |
| 2.6 | Huyện Cư M'gar | 36 | 36 | - | | | | 9 | 9 | | 45 | 45 | - | |
| 2.7 | Huyện Krông Búk | 631 | 631 | - | | | | 148 | 148 | | 779 | 779 | - | |
| 2.8 | Huyện Krông Năng | 2,218 | 2,218 | - | | | | 521 | 521 | | 2,739 | 2,739 | - | |

| STT | Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 đã giao | | | Điều chỉnh | | | | | | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Điều chỉnh giảm (-) | | | Điều chỉnh tăng (+) | | | | | | |
| | | Tổng cộng | Trong đó: | | Tổng cộng | Trong đó: | | Tổng cộng | Trong đó: | | Tổng cộng | Trong đó: | | |
| | | | NSTW | NST | | NSTW | NST | | NSTW | NST | | NSTW | NST | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| 2.9 | Huyện Ea Kar | 3,291 | 3,291 | - | | | | 773 | 773 | | 4,064 | 4,064 | - | |
| 2.10 | Huyện M'Drắk | 4,372 | 3,372 | 1,000 | | | | 1,028 | 1,028 | | 5,400 | 4,400 | 1,000 | |
| 2.11 | Huyện Krông Bông | 3,795 | 3,795 | - | | | | 893 | 893 | | 4,688 | 4,688 | - | |
| 2.12 | Huyện Krông Pắc | 1,695 | 1,695 | - | | | | 398 | 398 | | 2,093 | 2,093 | - | |
| 2.13 | Huyện Krông Ana | 90 | 90 | - | | | | 21 | 21 | | 111 | 111 | - | |
| 2.14 | Huyện Lắk | 4,904 | 3,904 | 1,000 | | | | 1,153 | 1,153 | | 6,057 | 5,057 | 1,000 | |
| 2.15 | Huyện Cư Kuin | 45 | 45 | - | | | | 11 | 11 | | 56 | 56 | - | |

**Phụ lục II**

**CẬP NHẬT CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CẤP NƯỚC SINH HOẠT TẬP TRUNG THUỘC DỰ ÁN 1 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | Tên dự án | Địa điểm đầu tư | Cơ chế đầu tư | Chủ đầu tư | Đơn vị dự kiến bàn giao quản lý vận hành sau đầu tư | Thời gian KC-HT | Hạng mục đầu tư dự kiến | Tổng mức đầu tư dự kiến | | | Kế hoạch vốn giai đoạn 2024-2025 | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | |
| | | | | | | | | | NSTW | NST | | NSTW | NST | |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* |
| | **TỔNG CỘNG** | | | | | | | **2,342** | **1,712** | **630** | **2,342** | **1,712** | **630** | |
| **I** | **HUYỆN KRÔNG BÔNG** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Mở rộng hệ thống đường ống chính và đường ống hộ gia đình thuộc Công trình cấp nước sinh hoạt xã Cư Đrăm, huyện Krông Bông | Buôn Chàm A và buôn Chàm B, xã Cư Đrăm | Thông thường | Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Bông | Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn | 2024 - 2025 | Đường ống chính; đường ống đấu nối đến hộ gia đình; hệ thống đồng hồ; … để dự kiến đấu nối cho khoảng 115 hộ dân. | 2,342 | 1,712 | 630 | 2,342 | 1,712 | 630 | |
| **II** | **HUYỆN KRÔNG ANA** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung buôn Kuốp, xã Dray Sáp, huyện Krông Ana | Buôn Kuốp, xã Dray Sáp | Thông thường | Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Ana | UBND xã Dray Sáp | 2024 - 2025 | Các hạng mục cải tạo, nâng cấp, mở rộng trong phạm vi số tiền 853 triệu đồng. Ưu tiên cho cải tạo, nâng cấp; sau đó mới tính toán mở rộng cho các điểm trường và phục vụ du lịch cộng đồng | 853 | 853 | - | 853 | 853 | - | |

**Phụ lục III**

**PHÂN BỔ CHI TIẾT PHẦN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỂ LẠI PHÂN BỔ SAU THỰC HIỆN DỰ ÁN 2 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ | Địa điểm xây dựng | Hình thức | Chủ đầu tư | Thời gian thực hiện | Quy mô đầu tư | Tổng mức đầu tư dự kiến | | | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025 | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Tổng tất cả các nguồn vốn | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | |
| | | | | | | | | NSTW | NST | | NSTW | NST | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| | **TỔNG SỐ** | | | | | | **29,125** | **28,125** | **1,000** | **29,125** | **28,125** | **1,000** | |
| 1 | Sắp xếp, bố trí, ổn định tái định cư buôn Nrếch, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn (Giai đoạn I) | Buôn Nrếch, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn | Tập trung | Ban QLDA ĐTXD huyện Buôn Đôn | 2024-2025 | Sắp xếp, bố trí chỗ ở và điều kiện sinh hoạt thiết yếu cho khoảng 150 hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Bao gồm các hạng mục dự kiến đầu tư như sau:<br>- Đền bù giải phóng mặt bằng khoảng 6,77 ha.<br>- San lấp mặt bằng khu vực xây dựng khoảng 5,08 ha.<br>- Về giao thông: Đầu tư 04 trục đường giao thông cấp B và cấp C, với chiều dài khoảng 1,125 km. Kết cấu mặt đường: BTXM.<br>- Về giáo dục: Đầu tư 01 điểm trường mẫu giáo và hạ tầng kèm theo.<br>- Về hệ thống cấp nước sinh hoạt: Xây dựng hệ thống đường ống cấp nước đấu nối vào đường ống dọc theo tỉnh lộ 1 của Công trình cấp nước xã Krông Na và đấu nối cho từng hộ dân.<br>- Về hệ thống điện, trạm điện: Xây dựng trạm hạ áp từ đường dây dọc theo tỉnh lộ 1, 01 trạm biến áp và đấu nối cho từng hộ dân. | 29,125 | 28,125 | 1,000 | 29,125 | 28,125 | 1,000 | |

| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 06/NQ-HĐND | *Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2024* |

# NGHỊ QUYẾT
## Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung Quyết định chủ trương đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI HAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án sắp xếp ổn định dân di cư tự do cho đồng bào Mông xã Ea Đăh, huyện Krông Năng;*

*Thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư các Dự án trên địa bàn tỉnh;*

*Thực hiện Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;*

*Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung Quyết định chủ trương đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 31 /BC-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án sử dụng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư 05 dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025; bao gồm:

1. Quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án sử dụng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: Dự án Trại Tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk giai đoạn I.

2. Điều chỉnh, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư 05 dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025, gồm:

2.1. Dự án: Hồ thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

2.2. Dự án Đê bao ngăn lũ phía Nam sông Krông Ana;

2.3. Dự án Sắp xếp ổn định dân di cư tự do cho đồng bào Mông xã Ea Đăh, huyện Krông Năng;

2.4. Dự án: Hồ chứa nước Yên Ngựa;

2.5. Dự án Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk.

*(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp; chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung và số liệu trong các phụ lục đính kèm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười hai thông qua ngày 03 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua và bãi bỏ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Lắk./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

## Phụ lục I

## Dự án Trại Tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk giai đoạn I (Hạng mục: San nền, kè chắn đất phân khu và tường rào bảo vệ cơ sở giam giữ)

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)*

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm góp phần đảm bảo diện tích làm việc, ăn, ở doanh trại... cho 150 cán bộ chiến sĩ; đảm bảo quy mô giam giữ 800 phạm nhân theo quy định của Bộ Công an về việc xác định quy mô giam giữ đối với Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Thực hiện giải phóng mặt bằng trên diện tích khoảng 60,8ha.

- Tường rào bảo vệ xây kín: Xây dựng hệ thống tường rào bảo vệ cơ sở giam giữ dài khoảng 665m (diện tích 10ha).

- San nền, kè chắn đất: Xây dựng kè chắn, tôn nền trên diện tích khoảng 18ha.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Vốn đầu tư: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Tại khu đất thuộc xã Ea Drơng, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

7. Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2024 - 2027.

**Phụ lục II.1**

**Dự án Hồ thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)*

**I. Nội dung đã được phê duyệt tại khoản 10, khoản 11 và khoản 12 Điều 1 Công văn số 159/HĐND-VP ngày 30/3/2017 của HĐND tỉnh:**

"10: Thời gian thực hiện dự án: 08 năm.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2017 đến năm 2024.

12. Phân kỳ đầu tư:

a) Giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020.

b) Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2024."

**II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:**

"10. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2017 đến năm 2026".

Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung, tiếp tục thực hiện theo Công văn số 159/HĐND-VP ngày 30/3/2017; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 của HĐND tỉnh./.

**Phụ lục II.2**

**Dự án Đê bao ngăn lũ phía Nam sông Krông Ana, huyện Lắk**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)*

**I. Nội dung đã được phê duyệt tại khoản 5, khoản 10 khoản 11, khoản 12 Điều 1 Công văn số 166b/HĐND-VP ngày 31/3/2017 của HĐND tỉnh:**

"5. Nội dung và quy mô đầu tư:

a) Nâng cấp và kiên cố hóa tuyến Đê bao ngăn lũ phía Nam sông Krông Ana thuộc 03 xã Đắk Liêng, Buôn Tría và Buôn Triết, huyện Lắk với tổng chiều dài tuyến đê là 17,5km.

- Chiều cao đê lớn nhất $H_{max}$= 4,95m.

- Kết cấu đê bao: Bằng đất đồng chất.

- Tổng chiều dài theo mặt đê thiết kế: 17,5km.

- Mặt đê có kết hợp giao thông, chọn bề rộng mặt đê thiết kế Btk=5m. Kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 20cm, dưới lót đá 4x6 vữa M50 dày 10cm. Cứ 5m bố trí một khe co giãn bằng nhựa đường trộn cát.

- Mái thượng lưu và hạ lưu đê bao có m=2.0 được gia cố bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200 dày 10cm (đúc tại chỗ), lưới thép D6, a=20cm.

b) Kênh và công trình trên kênh:

- Các tuyến kênh dọc theo tuyến đê được kiên cố hóa bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200 dày 12cm, lót đá 4x6 vữa M50 dày 10cm.

- Các công trình trên kênh gồm: Cụm điều tiết, cống tưới, cầu qua kênh, cụm cuối kênh... được xây dựng kiên cố bằng bê tông. Cầu qua kênh được bố trí tại vị trí đường chuyển tiếp xuống ruộng và đường nội đồng.

10. Thời gian thực hiện dự án: 04 (bốn) năm.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020.

12. Phân kỳ đầu tư: Giai đoạn 2017-2020, ngân sách Trung ương dự kiến phân bổ 180.000 triệu đồng (đã thực hiện tiết kiệm 10% theo quy định)".

**II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:**

"5. Nội dung và quy mô đầu tư:

a) Nâng cấp và kiên cố hóa tuyến đê bao ngăn lũ phía Nam sông Krông Ana thuộc 03 xã Đắk Liêng, Buôn Tría và Buôn Triết, huyện Lắk, với tổng chiều dài tuyến đê thiết kế khoảng 13,1km kết cấu đê đất đồng chất. Bề rộng đỉnh đê 5m có kết hợp giao thông, bề rộng mặt đê 3,5m bằng bê tông xi măng mác 250; lề rộng 2×0,75m bằng bê tông cốt thép mác 200. Mái đê m=1,5 gia cố bằng bê tông cốt thép mác 200.

b) Đường giao thông kết nối có chiều dài khoảng 2km.

c) Các công trình trên đê: hệ thống công trình tiêu thoát nước, cống qua đê, và các công trình phụ trợ khác có liên quan".

10. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2017 đến năm 2025.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025.

12. Phân kỳ đầu tư: Không áp dụng".

Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung, tiếp tục thực hiện theo Công văn số 166b/HĐND-VP ngày 31/3/2017 của HĐND tỉnh, Công văn số 167/HĐND-VP ngày 26/4/2019 của HĐND tỉnh./.

**Phụ lục II.3**

**Dự án Sắp xếp ổn định dân di cư tự do cho đồng bào Mông xã Ea Đăh, huyện Krông Năng**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)*

**I. Nội dung đã được phê duyệt tại khoản 2, khoản 7 Điều 1 của Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh:**

"2. Quy mô đầu tư dự án:

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Tổng chiều dài tuyến 8,20km. Quy cách nền 6,00m, mặt 4,00m; lề đường rộng 1,00m x 02 bên và hệ thống thoát nước.

- Giao thông liên thông, nội thôn: Đầu tư 08 tuyến đường giao thông liên thôn kết nối các khu dân cư, dài 3km và hệ thống thoát nước.

- Cầu qua suối Ea Đăh: Quy mô Cầu bê tông cốt thép dự ứng lực 01 nhịp x 30,8m. Bề rộng cầu B=6,5m; K=5,5m.

b) Thủy lợi: Đầu tư 04 công trình đập dâng và 4,9km kênh mương bê tông, cụ thể như sau:

- Đập dâng Giang Đông 1 (trên sông Ba): Kết cấu đập đất kết hợp Bê tông cốt thép.

- Đập dâng Giang Thanh 1 (trên suối Ea Đăh) và kênh mương (2,6km): Đầu tư hạng mục đập tràn bằng bê tông cốt thép và 2,6km kênh mương bê tông.

- Đập dâng Giang Thanh 2 (trên sông Ba) và kênh mương: Đầu tư hạng mục đập tràn bằng bê tông cốt thép và hệ thống kênh mương bê tông;

- Đập dâng Giang Đông 2 (trên suối Ea Đăh) và kênh mương (2,3km): Gồm hạng mục đập tràn bê tông cốt thép và 2,3km kênh mương bê tông.

e) Các công trình phúc lợi công cộng khác: Đầu tư trụ sở thôn làm nơi hội họp và sinh hoạt văn hóa cộng đồng, sân thể thao, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Giang Thanh.

7. Thời gian thực hiện dự án: Giai đoạn 2020-2023".

**II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:**

"2. Quy mô đầu tư dự án:

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Chiều dài tuyến khoảng 6,20km. Quy cách nền 6,00m, mặt đường 4,00m; lề đường rộng 1,00m x 02 bên và hệ thống thoát nước.

- Giao thông liên thông, nội thôn: Đầu tư 08 tuyến đường giao thông liên thôn kết nối các khu dân cư, dài 3km và hệ thống thoát nước.

- Đường giao thông từ Quốc lộ 29 tới dự án: Chiều dài tuyến khoảng 6,60km. Quy cách nền 6,50m; mặt đường 3,50m; lề đường rộng 1,50m x 02 bên (bề rộng lề gia cố 1,0m x 02 bên, bề rộng lề đất 0,5m x 02 bên) và hệ thống thoát nước.

b) Thủy lợi: Đầu tư 02 công trình đập dâng và khoảng 4,09km kênh mương bê tông, cụ thể như sau:

- Đập dâng Giang Thanh 1 (trên suối Ea Đăh) và kênh mương.

- Đập dâng Giang Đông 2 (trên suối Ea Đăh) và kênh mương.

e) Các công trình phúc lợi công cộng khác: Đầu tư trụ sở thôn làm nơi hội họp và sinh hoạt văn hóa cộng đồng, sân thể thao, nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn Giang Thanh; Cải tạo, sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng và hạ tầng kỹ thuật tại thôn Giang Đông.

7. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2020 đến năm 2025".

Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung, tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh./.

**Phụ lục II.4**

**Dự án Hồ chứa nước Yên Ngựa**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)*

**I. Nội dung đã được phê duyệt tại khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Công văn số 129/HĐND-VP ngày 21/3/2018 của HĐND tỉnh:**

"6. Nội dung, quy mô đầu tư:

a) Giai đoạn 1: Từ năm 2018-2020

- Hạng mục Hồ Yên Ngựa: Chuẩn bị đầu tư; giải phóng mặt bằng; Thi công đập đất cao 16,4m, chiều rộng mặt đập 6m, chiều dài 530m; thi công tràn xả lũ tổng chiều dài 340 m, kết cấu BTCT; thi công cống lấy nước kết cấu thân cống bằng BTCT M200, kết cấu cửa vào, cửa ra bằng BTCT M200 với tổng chiều dài cống 125 m; thi công kênh chính dài 3.630 m và các công trình trên kênh.

- Hạng mục Hồ Buôn Biếp: Chuẩn bị đầu tư; giải phóng mặt bằng; thi công đập đất cao 23m, chiều rộng mặt đập 6m, chiều dài 900m; thi công tràn xả lũ tổng chiều dài 220m, kết cấu BTCT; thi công cống lấy nước kết cấu thân cống bằng BTCT M200, kết cấu cửa vào, cửa ra bằng BTCT M200 với tổng chiều dài cống 138m.

b) Giai đoạn 2:

- Hạng mục Hồ Yên Ngựa: Đền bù giải phóng mặt bằng; thi công kênh nhánh dài 4.698 m và các công trình trên kênh.

- Hạng mục Hồ Buôn Biếp: Đền bù giải phóng mặt bằng; Thi công kênh chính dài 3.443m, kênh nhánh dài 7.592m và các công trình trên kênh.

7. Dự kiến Tổng mức đầu tư: 305.500.000.000 đồng (Ba trăm lẻ năm tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

8. Nguồn vốn đầu tư:

8.1. Giai đoạn 1 từ năm 2018-2020: 162.192 triệu đồng, trong đó:

a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (SP-RCC): 104.384 triệu đồng.

b) Vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác: 57.808 triệu đồng.

8.2. Giai đoạn 2 từ năm 2021-2022: 143.308 triệu đồng: Tiếp tục đề xuất từ vốn Trung ương hỗ trợ, nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin và xã Yang Tao, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

10. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2018-2022.

- Giai đoạn 1 từ năm 2018-2020.

- Giai đoạn 2 từ năm 2021-2022".

**II. Nội dung đề xuất điều chỉnh, bổ sung:**

"6. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Hồ Yên Ngựa: Tập trung đầu tư hoàn thiện hạng mục theo quy mô đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 30/10/2018, Quyết định số 1434/QD-UBND ngày 29/6/2020, Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 17/12/2020: Xây dựng hồ chứa nước có dung tích toàn bộ khoảng 1,98 triệu $m^3$ (bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, nhà quản lý, đường tránh ngập, hệ thống kênh và công trình trên kênh).

- Hồ Buôn Biếp: Xây dựng hồ chứa nước có dung tích toàn bộ khoảng 1,041 triệu $m^3$ (bao gồm các hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước, nhà quản lý, đường quản lý vận hành, hệ thống điện vận hành và quản lý).

7. Tổng mức đầu tư: 432.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba hai tỷ đồng).

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, trong đó:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (SP-RCC): 104,384 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh: 327,616 tỷ đồng.

9. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Cư Kuin và huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018-2025".

Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung, tiếp tục thực hiện theo Công văn số 129/HĐND-VP ngày 21/3/2018 của HĐND tỉnh./.

**Phụ lục II.5**

**Dự án Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh)*

**I. Nội dung đã được phê duyệt tại mục 4 Phụ lục II.9.1 Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND tỉnh:**

"4. Tổng mức đầu tư dự án: 36.000.000.000 đồng *(Ba mươi sáu tỷ đồng)".*

**II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:**

"4. Tổng mức đầu tư dự án: 40.660.000.000 đồng *(Bốn mươi tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu đồng)*".

Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung, tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND tỉnh./.

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN**

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: http://congbao.daklak.gov.vn

In tại:

Giá: …….. đồng